

Bản án số: 16/2025/DS - ST

Ngày: 29/8/2025

V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Kim Dung

Bà Phan Thị Hạnh Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6- Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6- Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 35/2025/TLST- DS ngày 29/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình nay là Tòa án nhân dân khu vực 6- Hưng Yên về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-DS ngày 31/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐST-DS ngày 15/8/2025 giữa :

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T P (TPBank).

Địa chỉ: Tòa nhà Tpbank, số 57 Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vũ L - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ KHCN

Người được ủy quyền lại: Ông Bùi Sỹ Q1 - Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TMCP T P.

- Bị đơn: Ông Vũ Văn Q, sinh năm 1961 và bà Trần Thị Ng, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn Đ Ch, xã Đ M, huyện T H, Thái Bình. Nay là thôn Đ Ch, xã Đ Ch, tỉnh Hưng Yên.

(Ông Q1 có mặt; ông Q có mặt; bà Ng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần T P (TPBank) do người đại diện theo ủy quyền ông Bùi Sỹ Q trình bày:

Ông Vũ Văn Q và bà Trần Thị Ng vay vốn tại TPBank, theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số: 855/2021/HDTD/TTB MB3/01 ký ngày 05/11/2021 giữa ông Vũ Văn Q và bà Trần Thị Ng với Ngân hàng TMCP T P cụ thể như sau: Số tiền vay: 584,000,000 đồng (Năm trăm tám mươi bốn triệu đồng); Mục đích vay: bù đắp vốn tự có mua xe ô tô Nissan Navara VL phục vụ mục đích đi lại của khách hàng; Thời hạn vay vốn: 96 tháng kể từ ngày 06/11/2021 đến ngày 05/11/2029; Ngày giải ngân: 05/11/2021; Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 05/11/2022 là 8,5%/năm. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 05/11/2029: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của TPBank cộng (+) biên độ 3,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất quá hạn được tính trên Dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, áp dụng trong trường hợp khoản nợ vay của khách hàng bị chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, áp dụng khi khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi vay theo quy định tại Hợp đồng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu: NISSAN NAVARA VL; Màu xe: trắng; Số khung: MNTCC4D23Z0060401; Số máy: YD25952274T; Biển kiểm soát: 17C-153.15 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 17 006432 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 16/10/2021 mang tên bà Trần Thị Ng. Tính đến ngày 26/10/2023, ông Vũ Văn Q và bà Trần Thị Ng trả được cho Ngân hàng tổng số tiền 246.499.964 đồng (trong đó nợ gốc: 139.916.660 đồng, nợ lãi: 106.583.304 đồng). Kể từ sau ngày 26/10/2023 ông Q, bà Ng vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo như cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu ông Q, bà Ng thu xếp để trả nợ cho Ngân hàng nhưng không có kết quả.

Nay Ngân hàng TMCP T P đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1) Buộc ông Vũ Văn Q và bà Trần Thị Ng phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ sau:

- Số tiền nợ gốc là: 444.083.340 đồng (Bốn trăm bốn mươi bốn triệu không trăm tám mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi đồng);

- Tiền lãi trong hạn là: 83.772.787 đồng (Tám mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng).

- Tiền lãi quá hạn tính đến ngày 29/8/2025 là: 30.401.456 đồng (Ba mươi triệu bốn trăm linh một nghìn bốn trăm năm mươi sáu đồng).

Tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 29/8/2025 ông Vũ Văn Q và bà Trần Thị Ng phải trả cho Ngân hàng là: 558.257.583 đồng (Năm trăm năm mươi tám triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi ba đồng).

2) Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực mà ông Vũ Văn Q và bà Trần Thị Ng không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho TPBank thì TPBank có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu: NISSAN NAVARA VL; Màu xe: trắng; Số khung: MNTCC4D23Z0060401; Số máy: YD25952274T; Biển kiểm soát: 17C-153.15 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 17 006432 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 16/10/2021 mang tên bà Trần Thị Ng để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

3) Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Vũ Văn Q và bà Trần Thị Ng đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Vũ Văn Q và bà Trần Thị Ng có nghĩa vụ phải tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP T P.

Tại phiên tòa ông Vũ Văn Q trình bày: Ngày 05/11/2021 vợ chồng ông Q có vay của Ngân hàng T P số tiền 584.000.000 đồng, mục đích mua xe ô tô cho con trai đi lại. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là chiếc xe ô tô, Biển kiểm soát 17C-153.15, đăng ký xe mang tên bà Ng. Chiếc xe này hiện tại ông Q, bà Ng không quản lý mà con trai ông bà quản lý, sử dụng xe. Trong quá trình vay ông bà đã trả được một phần khoản nợ cho Ngân hàng nhưng do việc làm ăn của con trai ông bà không thuận lợi. Nay ông xin Ngân hàng cho ông thời gian để ông thông báo cho vợ và con trai biết thu xếp trả nợ cho Ngân hàng. Ông Q có nhận được Thông báo của Tòa án và đã báo cho bà Ng biết, tuy nhiên bà Ng thường xuyên ốm đau, hiện tại bà Ng đang ở trên Hà Nội và sinh sống cùng con trai không về Tòa án làm việc được.

Tại biên bản xác minh ngày 15/7/2025, Ủy ban nhân dân xã Đ Ch, tỉnh Hưng Yên cung cấp như sau: Ông Vũ Văn Q và bà Trần Thị Ng là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Minh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Nay là xã Đ Ch, tỉnh Hưng Yên. Ông Q, bà Ng có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ Ch, xã Đông Minh nay là thôn Đ Ch, xã Đ Ch, tỉnh Hưng Yên. Hiện tại ông Q, bà Ng không có mặt tại địa phương. Về việc vay vốn giữa ông Q, bà Ng với Ngân hàng TMCP T P và thế chấp tài sản là chiếc xe ô tô, Ủy ban nhân dân xã Đ Ch không nắm được cụ thể. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản làm việc ngày 15/7/2025 giữa Tòa án nhân dân khu vực 6- Hưng Yên với Ủy ban nhân dân xã Đ Ch, tỉnh Hưng Yên và đại diện cơ sở thôn Đ Ch, xã Đ Ch thể hiện: Ngày 15/7/2025, Tòa án nhân dân khu vực 6- Hưng Yên phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ Ch và đại diện cơ sở thôn Đ Ch xuống gia đình ông Q, bà Ng để làm việc với ông Q, bà Ng theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP T P, tuy nhiên tại thời điểm Tòa án xuống làm việc ông Q, bà Ng không có mặt tại nhà, qua xác minh xác định ông Q, bà Ng không có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Q, bà Ng theo quy định của pháp luật. Tòa án không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ tài sản

thế chấp của ông Q, bà Ng tại Ngân hàng là chiếc xe ô tô do chiếc xe cũng không có ở địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Hưng Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự. Đối với nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và tham gia phiên tòa. Bị đơn là ông Q có mặt tại phiên tòa để trình bày ý kiến, bị đơn là bà Ng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T P. Buộc ông Vũ Văn Q và bà Trần Thị Ng phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP T P số tiền gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trường hợp ông Vũ Văn Q và bà Trần Thị Ng không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP T P thì Ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số: 855/2021/HDTD/TTB MB3/01 ký ngày 05/11/2021 để thu hồi nợ.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Q, bà Ng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP T P là tổ chức tín dụng, có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận. Ông Vũ Văn Q và bà Trần Thị Ng ký hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng, tuy nhiên mục đích vay của ông Q, bà Ng là để mua xe ô tô phục vụ việc đi lại cho gia đình không vì mục đích lợi nhuận. Do vậy, đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng. Bị đơn cư trú tại thôn Đ Ch, xã Đông Minh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình nay là thôn Đ Ch, xã Đ Ch, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 35 Luật số 81/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa Ngân hàng TMCP T P với ông Vũ Văn Q và bà Trần Thị Ng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình nay là Tòa án nhân dân khu vực 6- Hưng Yên.

[1.2]. Về việc vắng mặt của bị đơn: Ông Vũ Văn Q có mặt tại phiên tòa. Bà Trần Thị Ng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là bà Ng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn của Ngân hàng TMCP T P.

Xét thấy, ngày 05/11/2021, vợ chồng ông Vũ Văn Q và bà Trần Thị Ng đã ký Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số: 855/2021/HDTD/TTB MB3/01 với Ngân hàng TMCP T P để vay vốn tại Ngân hàng cụ thể như sau: Số tiền vay: 584,000,000 đồng (Năm trăm tám mươi bốn triệu đồng); Mục đích vay: bù đắp vốn tự có mua xe ô tô Nissan Navara VL phục vụ mục đích đi lại của khách hàng; Thời hạn vay vốn: 96 tháng kể từ ngày 06/11/2021 đến ngày 05/11/2029; Ngày giải ngân: 05/11/2021; Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 05/11/2022 là 8,5%/năm. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 05/11/2029: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của TPBank cộng (+) biên độ 3,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất quá hạn được tính trên Dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, áp dụng trong trường hợp khoản nợ vay của khách hàng bị chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, áp dụng khi khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi vay theo quy định tại Hợp đồng. Việc ông Q, bà Ng ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP T P để vay vốn tại Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, lãi suất và các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số: 855/2021/HDTD/TTB MB3/01 là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Q và bà Ng đã trả nợ cho TPBank tổng 246.499.964 đồng (bao gồm nợ gốc: 139.916.660 đồng, nợ lãi: 106.583.304 đồng). Mặc dù khoản vay của ông Q, bà Ng theo Hợp đồng ký ngày 05/11/2021 mới hết hạn. Tuy nhiên theo thỏa thuận trong hợp đồng thì kỳ hạn trả nợ gốc định kỳ 01 tháng/ 01lần, kỳ hạn trả nợ lãi được trả 01 tháng/lần vào ngày 26 hàng tháng. Tuy nhiên từ sau ngày 26/10/2023 ông Q, bà Ng vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo như cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng, Ngân hàng Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu ông Q, bà Ng thu xếp để trả nợ cho Ngân hàng nhưng không có kết quả. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần T P về việc buộc ông Q, bà Nguyên phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ gồm: Số tiền nợ gốc là: 444.083.340 đồng ; Tiền lãi trong hạn là: 83.772.787 đồng; Tiền lãi quá hạn tính đến ngày 29/8/2025 là 30.401.456 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 280, Điều 357, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1]. Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP T P về việc đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô nhãn hiệu NISSAN NAVARA VL; Biển kiểm soát: 17C-153.15 theo Giấy chứng nhận đăng ký

xe ô tô số 17 006432 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 16/10/2021 mang tên bà Trần Thị Ng.

Xét thấy, để đảm bảo cho khoản tiền vay theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số: 855/2021/HDTD/TTB MB3/01 ngày 05/11/2021 tại Ngân hàng TMCP T P thì ông Vũ Văn Q và Trần Thị Ng đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của mình là 01 chiếc xe ô tô NISSAN NAVARA VL; Màu xe: trắng; Số khung: MNTCC4D23Z0060401; Số máy: YD25952274T; Biển kiểm soát: 17C-153.15 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 17 006432 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 16/10/2021 mang tên bà Trần Thị Ng. Hợp đồng thế chấp tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Q, bà Ng, các nội dung trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số: 855/2021/HDTD/TTB MB3/01 ngày 05/11/2021 có hiệu lực pháp luật. Khi đến hạn trả nợ theo Hợp đồng, ông Q, bà Ng đã không thực hiện được đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng TMCP T P về việc đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp của ông Q, bà Ng theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô ngày 05/11/2021 là phù hợp với quy định tại các Điều 299, Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T P được Tòa án chấp nhận. Vì vậy, Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Vũ Văn Q và bà Trần Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông Q, bà Ng trên 60 tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho ông Q, bà Ng.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 35 Luật số 81/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 299, Điều 318, Điều 323, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 1 điều 8, khoản 1 điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T P. Buộc ông Vũ Văn Q và bà Trần Thị Ng phải trả cho Ngân hàng TMCP T P các khoản nợ sau:

- Số tiền nợ gốc là: 444.083.340 đồng (Bốn trăm bốn mươi bốn triệu không trăm tám mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi đồng);

- Tiền lãi trong hạn là: 83.772.787 đồng (Tám mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng).

- Tiền lãi quá hạn tính đến ngày 29/8/2025 là: 30.401.456 đồng (Ba mươi triệu bốn trăm linh một nghìn bốn trăm năm mươi sáu đồng).

Tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 29/8/2025 ông Vũ Văn Q và bà Trần Thị Ng phải trả cho Ngân hàng TMCP T P là: 558.257.583 đồng (Năm trăm năm mươi tám triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi ba đồng).

“ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Vũ Văn Q và bà Trần Thị Ng không trả nợ cho Ngân hàng TMCP T P thì Ngân hàng TMCP T P có quyền yêu cầu Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 6- Hưng Yên phát mại tài sản thế chấp của ông Vũ Văn Q và bà Trần Thị Ng theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 855/2021/HDTD/TTB MB3/01 ngày 05/11/2021 là : 01 chiếc xe ô tô NISSAN NAVARA VL; Màu xe: trắng; Số khung: MNTCC4D23Z0060401; Số máy: YD25952274T; Biển kiểm soát: 17C-153.15 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 17 006432 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 16/10/2021 mang tên bà Trần Thị Ng.

3. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm trên không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của ông Vũ Văn Q và bà Trần Thị Ng cho Ngân hàng TMCP T P thì yêu cầu ông Q, bà Ng phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP T P cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Vũ Văn Q và bà Trần Thị Ng.

Trả lại Ngân hàng TMCP T P số tiền tạm ứng án phí là 29.144.000 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002994 ngày 29/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 6- Hưng Yên.

“ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/8/2025).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6- Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 6- Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Linh

